



gù shi
故事

Noun · story; tale; plot

Example Sentences

zhè shì yí gè gù shì
这是一个故事。

This is a story.

mā ma měi tiān wǎn shang gěi wǒ jiǎng yí gè gù shì
妈妈每天晚上给我讲一个故事。

Mom tells me a story every night.

nǎi nai gěi wǒ jiǎng le yí gè yǒu qù de gù shì
奶奶给我讲了一个有趣的故事。

Grandma told me an interesting story.

Trace each character, then write the word on your own.

故	故	故	故	故	故	故	故	故	故	故
故										
事	事	事	事	事	事	事	事	事	事	事